

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2020
V/v ly hôn giữa chị T và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Dụ;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 10, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 7, xã C, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2019 và trong quá trình tổ tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/02/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do anh D không chịu khó làm ăn, không tin tưởng chị, anh D có ý định quay về với người vợ đã ly hôn trước đây của anh D, ngoài ra anh D còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng không thể ở được với nhau và đã sống ly thân một năm nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định

cuộc sống giữa chị và anh D không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã tan vỡ từ lâu không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 30/01/2013. Hiện cháu M đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T xin tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị và anh D không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Qua xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương xã C xác định được: Đường sự trình bày về việc tìm hiểu, kết hôn, mâu thuẫn, sống ly thân là đúng. Quan điểm của địa phương: Chị T và anh D không thể chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết để chị T được ly hôn anh D. Về con chung đề nghị giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh D không nợ nần gì xóm đội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh D là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D; đề nghị giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải nộp án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” do nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thực hiện quyền khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C thể hiện: “Anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại địa phương, anh D thỉnh thoảng vào trong miền Nam làm ăn, anh D vẫn đi về khi nhà có công việc và ở tại nhà của bố mẹ để lại tại xóm 7, xã C, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định”

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tiến hành xét xử vắng mặt anh D. Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh D theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng hợp pháp, được xác lập từ ngày 07/02/2010. Xét thấy quá trình chung sống giữa chị T và anh D không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau do anh D không chịu khó làm ăn, không tin tưởng chị T. Vợ chồng đã sống ly thân một năm nay, không ai quan tâm tới ai, mâu thuẫn này là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị T và anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có một con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 30/01/2013, hiện nay đang ở cùng với chị T. Nay chị T xin tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cũng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự cũng như nguyện vọng của cháu M nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 30/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001722 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Văn Thung